

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường Nông Lâm nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Văn Tiến
2. Ngày tháng năm sinh: 05/8/1988; Nam: ☒; Nữ: ☐; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 41, ngõ 97 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 41, ngõ 97 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Điện thoại nhà riêng; Điện thoại di động: 0976821269; E-mail: tientv@napa.vn.
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

TT	Thời gian	Công việc/Chức vụ	Cơ quan
1	7/2011- 9/2014	Giảng viên, Ủy viên ban chấp hành Đoàn thanh niên	Bộ môn Quản lý nhà nước về Đô thị và Nông thôn, Học viện Hành chính Quốc gia
2	10/2014-3/2017	Giảng viên, Ủy viên ban chấp hành Đoàn thanh niên	Bộ môn Quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường, Khoa Quản lý nhà nước về Đô thị và Nông thôn, Học viện Hành chính Quốc gia

3	4/2017-4/2018	Giảng viên, Ủy viên ban chấp hành Đoàn thanh niên	Bộ môn Quản lý nhà nước về Nông thôn, Khoa Quản lý nhà nước về Đô thị và Nông thôn, Học viện Hành chính Quốc gia
4	5/2018-10/2020	Giảng viên, Ủy viên ban thường vụ Đoàn thanh niên	Bộ môn Quản lý nhà nước về Nông thôn, Khoa Quản lý nhà nước về Xã hội, Học viện Hành chính Quốc gia
5	11/2020-10/2021	Giảng viên, biệt phái làm tại Phòng Hành chính – Tổng hợp, Ủy viên ban thường vụ Đoàn thanh niên,	Văn phòng, Học viện Hành chính Quốc gia
6	11/2021-10/2022	Giảng viên, Ủy viên ban thường vụ Đoàn thanh niên,	Bộ môn Quản lý nhà nước về Nông thôn, Khoa Quản lý nhà nước về Xã hội, Học viện Hành chính Quốc gia
7	11/2022-12/2022	Giảng viên chính, Ủy viên ban thường vụ Đoàn thanh niên	Bộ môn Quản lý nhà nước về Nông thôn, Khoa Quản lý nhà nước về Xã hội, Học viện Hành chính Quốc gia
8	01/2023-12/2024	Giảng viên chính,	Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Khoa Quản lý Xã hội, Học viện Hành chính Quốc gia
9	01/2024-03/2024	Giảng viên chính, Ủy viên ban chấp hành Đoàn thanh niên, Bí Thư Liên chi đoàn Khoa Quản lý Xã hội	Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Khoa Quản lý Xã hội, Học viện Hành chính Quốc gia
10	03/2024-09/2024	Giảng viên chính, Phó Bí thư Chi bộ Sinh viên 2, Ủy viên ban chấp hành Đoàn thanh niên, Bí Thư Liên chi đoàn Khoa Quản lý Xã hội	Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Khoa Quản lý Xã hội, Học viện Hành chính Quốc gia
11	10/2024-4/2025	Giảng viên chính biệt phái làm công tác quản lý đào tạo sau đại học, Phó Bí thư Chi bộ Sinh viên 2, Ủy viên ban chấp hành Đoàn thanh niên, Bí Thư Liên chi	Ban Quản lý đào tạo, Học viện Hành chính và Quản trị công

		đoàn Khoa Quản lý Xã hội	
12	5/2025 đến nay	Giảng viên chính, Phó Bí thư Chi bộ Sinh viên 2	Lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu Quản lý Tài nguyên và Môi trường, phát triển bền vững, Khoa Quản lý Xã hội, Học viện Hành chính Quốc gia

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Bí thư chi bộ Sinh viên 2, Bí Thư liên chi đoàn Khoa Quản lý xã hội;

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Quản lý phát triển xã hội, Học viện Hành chính và Quản trị công, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cơ quan: Số 77 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Điện thoại cơ quan: (024) 38343223;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

a. Bậc Đại học

- Được cấp bằng Đại học, ngày 26 tháng 6 năm 2010, số hiệu: 00097256 (số vào sổ cấp bằng: 5795), ngành: Công nghệ Sinh học, chuyên ngành: Công nghệ sinh học. Nơi cấp bằng Đại học (trường, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

b. Bậc Thạc sĩ

- Được cấp bằng Thạc sĩ, ngày 18 tháng 4 năm 2014, số hiệu: 5638 (số vào sổ cấp bằng: 6481), ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh học. Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

c. Bậc Tiến sĩ

- Được cấp bằng Tiến sĩ, ngày 09 tháng 7 năm 2018, số hiệu: GUST/TS 151 (số vào sổ cấp bằng: TS/16/2018/ECO/12), ngành: Sinh học, chuyên ngành: Thực vật học. Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp;

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp;

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu đa dạng sinh học, phân bố địa lý và sinh thái học của các loài đặc hữu tại Việt Nam
- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học trong phát triển và quản lý bền vững tài nguyên thực vật
- Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu chính sách và giải pháp quản lý tài nguyên, môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đang là người hướng dẫn thứ 2 của 03 NCS với hướng nghiên cứu quản lý tài nguyên môi trường;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 04 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 54 bài báo khoa học, trong đó 14 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín; 04 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành quốc tế; 28 bài báo trên tạp chí trong nước, 08 bài trong báo cáo của hội nghị khoa học quốc gia.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: Thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, tham gia chủ biên, thành viên biên soạn 06 sách đã xuất bản (bao gồm 04 giáo trình đại học, 01 sách dùng trong chương trình bồi dưỡng và 01 sách chuyên khảo)
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Năm khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số Quyết định/Công văn
1	2015	Bằng khen thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2014-2015	Số 82-QĐ/ĐTNK-VP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối các cơ quan Trung ương
2	2016	Bằng khen thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2015-2016	Số 76-QĐ/ĐTNK-VP ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối các cơ quan Trung ương
3	2017	Bằng khen thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2012-2017	Số 76-50/ĐTNK-VP ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối các cơ quan Trung ương
4	2018	Giấy khen thành tích cao trong học tập nâng cao trình độ năm 2018	Số 35/QĐ-CĐBNV ngày 01/4/2019 của Ban Chấp hành công đoàn Bộ Nội vụ
5	2019	Bằng khen đạt giải thưởng “Nhà giáo trẻ tiêu biểu” cấp Trung ương lần thứ I - năm 2019	Quyết định số 399-QĐKT/TWĐTN-VP ngày 18/11/2019 của Ban Thường vụ Trung ương đoàn
6	2021	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021	Quyết định số 8181/QĐ-HCQG ngày 18/12/2024 của

			Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc tặng thưởng danh hiệu thi đua năm 2024
7	2022	Lao động tiên tiến năm 2022	Quyết định số 4464/QĐ-HCQG ngày 12/12/2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc tặng thưởng danh hiệu thi đua năm 2022
8	2023	Lao động tiên tiến năm 2023	Quyết định số 5898/QĐ-HCQG ngày 6/12/2023 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc tặng thưởng danh hiệu thi đua năm 2023
9	2024	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2024	Quyết định số 8181/QĐ-HCQG ngày 18/12/2024 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc tặng thưởng danh hiệu thi đua năm 2024

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không;

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

a. Tiêu chuẩn nhà giáo

Là một giảng viên tại Học viện Hành chính và Quản trị công (Học viện Hành chính Quốc gia trước ngày 08/1/2025), trong suốt quá trình công tác từ năm 2011 đến nay ứng viên luôn có tư tưởng lập trường vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt và ý thức tổ chức kỷ luật cao, có đủ sức khỏe, có thái độ làm việc cầu thị, nghiêm túc, có trách nhiệm trong công việc và luôn cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, ứng viên luôn trung thực, khách quan, luôn tận tâm với công việc. Luôn tự học, tự nghiên cứu, lắng nghe ý kiến góp ý của đồng nghiệp để trau dồi tiến bộ. Luôn đổi mới về phương pháp dạy học, sáng tạo trong cách triển khai để đạt hiệu quả tốt nhất trong dạy và học. Được sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, đồng nghiệp tin tưởng. Ứng viên luôn được Nhà trường đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ từ mức tốt trở lên và chưa từng nhận bất kỳ hình thức kỷ luật nào.

b. Nhiệm vụ nhà giáo

Ứng viên luôn thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của một giảng viên theo luật Giáo dục và các văn bản qui định của Nhà trường. Ứng viên luôn hoàn thành và vượt định mức nhiệm vụ giảng dạy. Ứng viên tham gia giảng dạy trình độ đại học các học phần: Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn, Môi trường và phát triển bền vững, Xây dựng nông thôn mới. Ứng viên tham gia giảng dạy trình độ sau đại học các học phần: Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, Phát triển bền vững. Trong đó, ứng viên thường xuyên cập nhật các kết quả vào hoạt động giảng dạy.

Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn hoàn thành và vượt định mức nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định của Học viện Hành chính và Quản trị công. Ứng viên tham gia hướng dẫn khóa luận đại học, luận văn cao học và luận án tiến sĩ. Ứng viên đã và

đang tham gia thực hiện 04 đề tài khoa học và công nghệ các cấp với vai trò là chủ nhiệm và thành viên chính. Công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế. Cho đến thời điểm hiện tại, ứng viên đã công bố 54 bài báo khoa học trên các Hội nghị khoa học cấp quốc gia, các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Ứng viên tham gia tích cực vào công tác xây dựng, phát triển, cập nhật và cải tiến các chương trình đào tạo trình độ đại học. Ngoài ra, ứng viên tích cực tham gia các hoạt động khác của Khoa và Nhà trường như công tác truyền thông và tư vấn tuyển sinh hằng năm, công tác phong trào Đoàn thanh niên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 11 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018					270		270/361/220
2	2018-2019					255		255/325,4/270
3	2019-2020					285		285/360,4/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			2		120	60	180/334/250
5	2023-2024			2			120	120/349,5/106,5
6	2024-2025			2		75	90	175/440,7/160

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh;

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

mt

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Minh Tâm		HVHC	x		8/2021- 9/2022	Học viện Hành chính Quốc gia	Cấp bằng ngày 22/9/2022; Quyết định cấp bằng số 3631/QĐ- HCQG
2	Lê Hoàng Phương		HVCH	x		1/2022- 12/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Cấp bằng ngày 23/12/2022; Quyết định cấp bằng số 2885/QĐ- ĐHSPHN2
3	Nguyễn Đình Văn		HVCH	x		8/2022- 9/2023	Học viện Hành chính Quốc gia	Cấp bằng ngày 11/9/2023; Quyết định cấp bằng số 4211/QĐ- HCQG
4	Nguyễn Hoàng Hà		HVHC	x		8/2022- 9/2023	Học viện Hành chính Quốc gia	Cấp bằng ngày 11/9/2024; Quyết định cấp bằng số 4211/QĐ- HCQG
5	Lương Hoàng Phương Anh		HVCH	x		6/2023- 11/2024	Học viện Hành chính Quốc gia	Cấp bằng ngày 04/11/2024; Quyết định cấp bằng số 6992/QĐ- HCQG
6	Nguyễn Anh Quốc		HVHC	x		6/2023- 6/2024	Học viện Hành chính Quốc gia	Cấp bằng ngày 07/6/2024; Quyết định cấp bằng số 3695/QĐ- HCQG

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn	GT	Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội; 2020	8		Chương 2 (54-67); Chương 3 (255-274)	Quyết định số 4943/QĐ-HCQG ngày 28/12/2017
2	Quản lý xây dựng nông thôn mới	GT	Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội; 2020	8		Chương 3 (165-184)	Quyết định số 4946/QĐ-HCQG ngày 28/12/2017
3	Quản lý ứng phó với biến đổi khí hậu, cảnh báo sớm và giảm nhẹ rủi ro thiên tai	CK	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2025	3	Đồng chủ biên	Chương 3 (89-168)	Quyết định số 45b/QĐ-PVTN ngày 19/11/2022
4	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	GT	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2025	4	Đồng chủ biên	Chương 1 (26-34); Chương 2 (125-139); Chương 3 (140-264)	Quyết định số 8278/QĐ-HCQG ngày 20/12/2024
5	Môi trường và phát triển bền vững	GT	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2025	4	Đồng chủ biên	Chương 2 (57-138)	Quyết định số 8200/QĐ-HCQG ngày 18/12/2024
6	Tài nguyên và kỹ thuật phát triển trồng cây Nưa (Amorphophallus SPP.) Củ có glucomannan ở ; miền núi phía Bắc Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2025	3	Chủ biên	Chương 2 (39-64); Chương 3 (66-110)	Giấy xác nhận số 01/GXN-ĐHHV ngày 19/6/2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Pháp luật và thực tiễn áp dụng bảo tồn đa dạng sinh học Việt Nam tại Vườn Quốc gia Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	CN	13/2017/ĐTCS-HCQG, Học viện Hành chính Quốc gia	4/2017-12/2017	29/12/2017; Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Quản lý nhà nước về kinh tế trang trại theo hướng nông lâm kết hợp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	CN	06/2020/ĐTCS-HCQG, Học viện Hành chính Quốc gia	3/2020-12/2020	30/10/2020; Xếp loại: Khá
3	Nghiên cứu đa dạng nguồn gen và mối quan hệ gần gũi có thể của chi Nam tinh (<i>Arisaema</i> Mart.) ở Việt Nam và trên thế giới	CN	GUST.STS.ĐT 2020-ST01	5/2020-6/2022	23/12/2022; Xếp loại: Khá
4	Quản lý nhà nước về chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Vườn quốc gia Cúc Phương, Việt Nam	CN	31/2024/ĐTCS-HCQG, Học viện Hành chính Quốc gia	3/2024-12/2012	26/12/2024; Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	BÀI BÁO KHOA HỌC							
I	Trước khi được công nhận TS							
Năm 2013								
1	Đánh giá đa dạng di truyền quần thể re hương bằng chỉ thị RAPD phục vụ bảo tồn và cải thiện giống	2		Hội nghị Khoa học và Công nghệ sinh học toàn quốc năm 2013. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ. ISBN: 978-604-913-136-3			Quyển 2: Công nghệ sinh học vi sinh, công nghệ sinh học thực vật; Trang: 831-835	9/2013
2	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn <i>Bacillus thuringiensis</i> có độc tính cao với côn trùng hại cây trồng	2	x	Hội nghị Khoa học và Công nghệ sinh học toàn quốc năm 2013. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ. ISBN: 978-604-913-136-3			Quyển 2: Công nghệ sinh học vi sinh, công nghệ sinh học thực vật; Trang: 1089-1094	9/2013
Năm 2014								
3	Rediscovery of <i>Arisaema pierreanum</i> Engl. after 145 Years, and its Current Status	4		Aroideana International Aroid Society, Inc; ISSN: 2310-0745		5	Tập 37E, Số 2	12/2014
Năm 2015								
4	Useful aroids and their prospects in Vietnam	6		Aroideana International Aroid Society, Inc; ISSN: 2310-0745		4	Tập 38E, Số 1	5/2015
5	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu	3		Tạp chí Kinh tế sinh thái			Tập:	10/2015

	tới ngành nông nghiệp Việt Nam			ISSN: 1859-2317			Số: 49 Trang:92-98	
6	Bổ sung một loài mới thuộc chi nưa – <i>Amorphophallus</i> (Họ ráy – Araceae) cho hệ thực vật Việt Nam	6		Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 6; Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-913-408-1			Trang: 52-54	10/2015
7	Một số kết quả nghiên cứu về khả năng nhân giống hữu tính cây nưa (<i>Amorphophallus</i> sp.)	4		Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 6; Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-913-408-1			Trang: 1323-1328	10/2015
8	Ảnh hưởng biến đổi khí hậu tới sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng	2		Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Tập: Số: 49 Trang:99-104	10/2015
9	Lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào chính sách và khảo sát sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp Việt Nam	4		Hội nghị thường niên của Tổ chức Hành chính Công vùng Đông Á và Thái Bình Dương; Nhà xuất bản Lao động, ISBN: 978-604-59-2619-2			Trang:248-275	11/2015
Năm 2017								
10	Tri thức bản địa về khai thác và chế biến củ Nưa konjac (<i>Amorphophallus konjac</i>) làm thực phẩm ở một số tỉnh	3	x	Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp; ISSN:1859-3828			Số 1; Trang 11-16	01/ 2017

	miền núi phía Bắc Việt Nam.							
11	Biological Characteristics and Distribution of the species <i>Amorphophallus yuloensis</i> H. Li (Araceae) in Vietnam	3	x	Aroideana International Aroid Society, Inc; ISSN: 2310-0745			Tập:40 Số 1, Trang 57-62	4/2017
12	Tiềm năng và thách thức phát triển kinh tế biển ở Việt Nam	1	x	Hội thảo quốc tế “ Quản lý nhà nước về biển và hải đảo: Vấn đề và cách tiếp cận”			Trang 654-661	5/2017
13	Những vấn đề thách thức cho quản lý nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế sinh thái ISSN: 1859-2317			Số: 53 Trang:88-93	6/2017
14	Nhân giống in vitro loài Nưa konjac (<i>Amorphophallus konjac</i>) ở Việt Nam để bảo tồn và phục vụ sản xuất	5	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam bản B, P-ISSN 1859-4794, E-ISSN 2615-9929			Tập: 59 Số: 6 Trang:35-40	6/2017
15	Nghiên cứu phát triển trồng loài Nưa Konjac (<i>Amorphophallus konjac</i>) ở miền núi phía Bắc Việt Nam	5	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn ISSN: 1859-4581			Số: 321 Trang:149-157	9/2017
16	Một số kết quả nghiên cứu nhân giống loài nưa <i>Amorphophallus konjac</i> bằng củ	3	x	Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ 7 “ Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật; Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ; ISBN:978-604-913-615-3			Trang:1502-1507	10/2017
17	Reserch component and distribution of	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm		4	Số: 5	10/2017

	species <i>Amorphophallus</i> spp. With tubers containing glucomannan in the Northern mountain provinces of VietNam			ngiệp, ISSN: 1859-3828			Trang:118- 125	
Năm 2018								
18	<i>Amorphophallus ravenii</i> , a New Species of morphophallus (Araceae) from Laos	5		Novon ISSN: 1055- 3177 (print) ISSN: 1945- 6174 (online)	SCIE/Scopus H-index: 27 SJR: 0.341 IF: 0.56 Q3	5	Tập: 26 Số: 1 Trang: 53-55	2/2018
II	Sau khi được công nhận TS							
Năm 2018								
19	<i>Steudnera hoanglienica</i> (Colocasieae— Araceae), a new species from northern Vietnam	4		Phytotaxa ISSN: 1179- 3155 (print) ISSN: 1179- 3163 (online)	SCIE/Scopus H-index: 54 SJR: 0.337 IF: 1.171 Q2		Tập: 376 Số: 5 Trang: 223- 226	11/2018
Năm 2019								
20	Hiệu quả kinh tế - xã hội của các mô hình trồng mây nếp dưới tán rừng trên địa bàn huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.	3		Tạp chí Nông ngiệp và phát triển Nông thôn ISSN: 1859- 4581			Trang: 33-34	11/2019
21	Kỹ thuật trồng bổ sung làm giàu rừng tự nhiên bằng cây trám đen và giới xanh tại Sơn La.	3		Tạp chí Nông ngiệp và phát triển Nông thôn ISSN: 1859- 4581			Trang: 35-37	11/2019

Năm 2020								
22	<i>Arisaema menglaense</i> (Araceae: Arisaemateae) Newly Recorded For Northern Vietnam	7		Aroideana International Aroid Society, Inc; ISSN: 2310-0745			Tập: 43 Số: 3&4 Trang: 12-21	12/2020
Năm 2021								
23	Kết quả bước đầu nghiên cứu kỹ thuật gieo trồng cây Hoàng tinh hoa đỏ (<i>Polygonatum kingianum</i> Coll. ex Hemsl) từ hạt	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN: 1859-3828			Số: 3 Trang: 3-11	6/2021
24	Xung đột giữa quyền tiếp cận thông tin KH&CN với bảo hộ quyền tác giả tiếp cận dưới góc độ pháp luật	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam bản B, P-ISSN 1859-4794, E-ISSN 2615-9929			Tập: 63 Số: 10 Trang: 46-51	10/2021
Năm 2022								
25	Reconstruction of the evolutionary biogeography reveals the origin and diversification of <i>Arisaema</i> (Araceae)	7	x	Acta Botanica Brasilica, ISSN: 0102-3306, eISSN: 1677-941X	SCIE/Scopus H-index: 54 SJR: 0.337 IF: 1408 Q2	5	36: e2021abb025 3 doi: 10.1590/0102-33062021abb0253	01/2022
26	A Review on Potential Application of CRISPR/Cas Systems in the Improvement of the Growth Habits and Fruit Quality of Tomato (<i>Solanum lycopersicum</i>) in Vietnam	7		Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam e-ISSN: 3030-4520; p-ISSN: 2588-1299			Tập: 5 Số: 1 Trang: 1424-1433	3/2022

27	Nghiên cứu mức độ biểu hiện của các gen lặp trong họ nhân tố phiên mã NAC liên quan đến đáp ứng hạn ở cây lạc (<i>Arachis hypogaea</i>)	8		Tạp chí Khoa học Trường Đại học sư phạm Hà Nội ISSN: 2354-1059			Tập:67 Số: 1 Trang: 90-97	3/2022
28	Research Article SWEET Gene Family in Sugar Beet (<i>Beta vulgaris</i>): Genome-Wide Survey, Phylogeny and Expression Analysis	9		Pakistan Journal of Biological Sciences; ISSN: 1028-8880	Scopus H-index: 57 SJR: 0.95 IF: 0.95 Q3	6	Tập:25 Số:5 Trang: 387-395 DOI: 10.3923/pjbs.2022.387.395	4/2022
29	Phân tích nhóm gen chính đáp ứng với stress hạn mặn ở cây Đậu gà (<i>Cicer arietinum</i>) bằng phân tích dữ liệu giải mã hệ phiên mã	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên ISSN: 1859-2171; 2734-9098			Tập: 227 Số: 5 Trang: 163-170	4/2022
30	<i>Typhonium kbangense</i> , a new species of Araceae (Aroidea-Araeae) from Central Vietnam	6		Nordic journal of Botany; ISSN: 0107055X, 17561051	SCIE/Scopus H-index: 41 SJR: 0.351 IF: 0.95 Q2	6	2022: e03601 doi: 10.1111/njb.03601	6/2022
31	Xác định, phân tích cấu trúc và phân nhóm protein vận chuyển sucrose trong cây <i>Ceratopteris Richardii</i>	8		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên ISSN: 1859-2171; 2734-9098			Tập: 227 Số: 10 Trang: 66-74	6/2022
32	Xác định và khai thác biểu hiện của nhóm gene mã hóa nhân tố phiên mã GATA liên quan đến bệnh sọc nâu Virus ở cây sắn (<i>Manihot esculenta</i>) bằng	8	x	Hội thảo quốc gia Bệnh hại thực vật Việt Nam; Nhà xuất bản Nông nghiệp, ISBN:978-604-60-3647-0			Trang: 213-219	7/2022

	công cụ tin sinh học							
33	Two New Records of Species and A New Synonym of Genus <i>Typhonium</i> (Araceae) For Flora of Indochina	4		Tạp chí VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology, ISSN: e-ISSN: 2588-1140; ISSN: 2615-9317			Tập 38 Số 3 Trang: 58-60	7/2022
34	Thông tin về 4 loài nửa thuộc họ Ráy (Araceae) và Rêu hùm (Taccaceae) ở Côn Đảo	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B ISSN: 1859-4794 eISSN: 2615-9929			Tập: 64 Số: 8 Trang: 34-36	8/2022
35	Phylogeny and evolutionary history of Vietnamese <i>Arisaema</i> (Araceae)	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, Bản tiếng Anh. ISSN: 2615-9368			Số: 14 Trang: 166-172	9/2022
36	Đặc điểm sinh học và tính kháng vi khuẩn gram dương của <i>Microbacterium</i> sp. C21 phân lập từ đất	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B ISSN: 1859-4794 eISSN: 2615-9929			Tập: 64 Số: 11 Trang: 16-21	11/2022
37	Xác định hàm lượng protein và lipid thô tổng số ở một số giống đậu tương	9		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B ISSN: 1859-4794 eISSN: 2615-9929			Tập: 64 Số: 12 Trang: 65-68	12/2022

Năm 2023								
38	Một số đặc điểm sinh thái và cấu trúc thảm thực vật tại khu vực phân bố của loài Kim ngân lá to (<i>Lonicera hildebrandiana</i>) thuộc dãy Hoàng Liên Sơn	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B ISSN: 1859-4794 eISSN: 2615-9929			Tập: 65 Số: 6 Trang: 26-30	6/2023
39	Identification, annotation and characterization of the trehalose-6-Phosphate synthase in cassava (<i>Manihot esculenta</i>)	6		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN: 2354-1059			Tập: 68 Số: 3 Trang: 154-161	10/2023
40	<i>Typhonium hangiae</i> (Araceae: Aroideae: Areae), a new species from Central Vietnam with a key to Vietnamese species of the genus	5		Kew Bulletin ISSN: 1874-933X eISSN: 0075-5974	SCIE/Scopus H-index: 40 SJR: 0.458 IF: 0.984 Q2	2	Tập: 78 Trang: 613–618 DOI: 10.1007/s12225-023-10134-8	10/2023
Năm 2024								
41	Identification of two enzymes for trehalose synthesis and their potential function in growth and development in peanut (<i>Arachis hypogaea</i>)	9		Journal of Tropical Life Science; E-ISSN: 2527-4376 P-ISSN: 2087-5517	Scopus H-index: 8 SJR: 0.189 IF: 0.8 Q4	4	Tập: 14 Số: 1 Trang: 83-94; Doi.org/10.11594/jtls.14.01.10	1/2024
42	Genome-Wide Analysis of GATA Transcription Factor Family in Quinoa (<i>Chenopodium quinoa</i>): Identification, Characterization, and Expression Profiles	13		Journal of Tropical Life Science; E-ISSN: 2527-4376 P-ISSN: 2087-5517	Scopus H-index: 8 SJR: 0.189 IF: 0.8 Q4	1	2024, Vol. 14, No. 2, 217 – 228 http://dx.doi.org/10.11594/jtls.14.02.02	5/2024
43	Danh lục các loài thuộc họ Ráy	3	x	Báo cáo khoa học về Nghiên			Tập:	7/2024

	(Araceae) ở Tây Nguyên			cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam - Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 6 ISSN: 978-604-357-275-9			Số: Trang: 75-87	
44	Genome-wide identification and characterization of the GATA transcription factor family suggests functional expression pattern against various environmental conditions in cassava (<i>Manihot esculenta</i>)	11	x	Journal of Animal & Plant Sciences, ISSN (print): 1018-7081; ISSN (online): 2309-8694	Scopus H-index: 46 SJR: 198 IF: 0.606 Q4	4	Tập: 34 Số: 2 https://doi.org/10.36899/JA.PS.2024.2.0720	8/2024
45	International experience in implementing the policy of payment for forest environmental services	5		Tạp chí Quản lý nhà nước số tiếng Anh; ISSN: 2815-6012		1	Tập 31 Số 13 Trang: 43-49	9/2024
46	Investigation of the evolution of sabath gene family in cassava (<i>manihot esculenta</i>) reveals its potential role in growth and development	9		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN: 2354-1059			Tập: 69 Số: 3 Trang: 138-147	10/2024
47	<i>Sonerila quangnamensis</i> (tribe Sonerileae, Melastomataceae), a new species from the Truong Son Mountain Range, Vietnam	5		Taiwania ISSN: 0372333X	SCIE/Scopus H-index: 25 SJR: 0.345 IF: 0.983 Q3	1	Tập: 69 Số: 3 Trang: 288-293 DOI: 10.6165/tai.2024.69.288	10/2024

Năm 2025								
48	Major component and antimicrobial activity of the extract of bitter leaf (<i>vernonia amygdalina</i>) against <i>vibrio parahaemolyticus</i>	15		Journal of Animal & Plant Sciences, ISSN (print): 1018-7081; ISSN (online): 2309-8694	Scopus H-index: 46 SJR: 198 IF: 0.606 Q4		Tập 35 Số 1 https://doi.org/10.36899/JA.PS.2025.1.0004	2/2025
49	Contribution to the knowledge of the potter wasp genus <i>Euodynerus</i> Dalla Torre, 1904 (Hymenoptera, Vespidae, Eumeninae) from Vietnam, with description of a new species and a key to the Oriental fauna	4	x	Journal of Hymenoptera ISSN: 1314-2607(online), ISSN: 1314-2607(print)	SCIE/Scopus H-index: 30 SJR: 0.638 IF: 1.84 Q1		Số 98 Trang: 467-482 doi: 10.3897/jhr.@.150250	4/2025
50	Cập nhật danh lục họ Ráy ở Việt Nam	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B ISSN: 1859-4794 eISSN: 2615-9929			Tập 67 Số 5 Trang: 47-51	5/2025
51	<i>Eriolaena bacgiangensis</i> (Malvaceae), a new species from Vietnam	5	x	PhytoKeys ISSN 1314-2003 (trực tuyến). ISSN 1314-2011 (in)	SCIE/Scopus H-index: 30 SJR: 0.519 IF: 1.635 Q2		Số 256 Trang: 13-20; DOI: 10.3897/phytokeys.256.152884	5/2025
52	Isolating, cloning, and sequencing of the <i>cry1C</i> genes encoding protein crystal toxic to lepidoptera	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản C ISSN: 1859-4794 eISSN: 2615-9929			DOI: 10.31276/VJS TE.2024.0080	5/2025
53	Nghiên cứu nhân giống cây Long não (<i>Cinnamomum camphora</i> (L.) Presl) bằng	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B			Tập 67 Số 6 Trang: 40-44	6/2025

	phương pháp nuôi cấy mô tế bào			ISSN: 1859-4794 eISSN: 2615-9929				
54	Geographical classification of vietnamese dragon fruit (<i>Hylocereus</i> spp.) using icp-ms and pca	9		Journal of Animal & Plant Sciences, ISSN (print): 1018-7081; ISSN (online): 2309-8694	Scopus H-index: 46 SJR: 198 IF: 0.606 Q4		Tập 35 Số 4 https://doi.org/10.36899/JA-PS.2025.4.0081	6/2025

(Ghi chú: Tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Sciences hoặc SCOPUS được kiểm chứng trên cơ sở dữ liệu Scimago: <https://www.scimagojr.com/> hoặc Clarivate: <https://mjl.clarivate.com/>; chỉ số H-index và SJR của tạp chí quốc tế được tra cứu trên cơ sở dữ liệu Scimago; chỉ số IF của tạp chí quốc tế được tra cứu trên cơ sở dữ liệu SCI Journal: <https://www.scijournal.org/>);

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (thuộc danh mục Web of Sciences/SCOPUS), lần lượt bao gồm [25], [44], [49], [51].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

M

--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 03 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không



Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

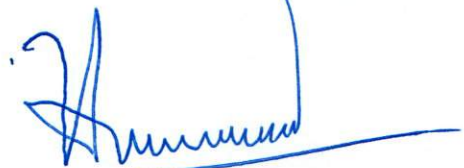
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Văn Tiến